

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/3/2021.

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Ya Thuyên.

- Bà Nguyễn Thị Xuân Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 447/2020/TLST–HNGĐ ngày 06/10/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/01/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kim L sinh năm 1991; trú tại: Số 73, xóm 3, thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần H sinh năm 1984; trú tại: Số 110, xóm 2, thôn A, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Trần H kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng bà chung sống tại xóm 2, thôn A, xã H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H nhậu nhẹt, bài bạc, về nhà đánh đập vợ con. Bà và ông H đã không chung sống với nhau. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông Trần H.

- *Về con chung:* Vợ chồng bà có 02 con chung tên Trần Quốc T sinh ngày 27/7/2008 và Trần Gia N sinh ngày 10/3/2012, các con chung đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con chung cho đến ngày thành niên.

- *Về cấp dưỡng*: Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi các con chung.
- *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng bà không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Trần H:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị Kim L kết hôn năm 2009 như bà L trình bày. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng ông chung sống tại xóm 2, thôn A, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông thừa nhận bản thân tôi có nhậu nhẹt, cờ bạc dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng ông đã không chung sống với nhau hơn một năm. Bà Ly yêu cầu ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung như bà L trình bày, khi ly hôn ông đồng ý giao 02 con cho bà L nuôi dưỡng cho đến ngày thành niên.

- Về cấp dưỡng: Ông cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng (02 con chung 4.000.000 đồng/tháng).

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng ông tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, xử cho bà L với ông H ly hôn; giao 02 con chung cho bà L nuôi dưỡng đến ngày con chung thành niên; Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Nợ chung không có; tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa nguyên đơn bà L với bị đơn ông H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L và ông Trần H kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng tôi chung sống tại xóm 2, thôn A, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Bà L cho rằng nguyên nhân do ông H nhậu nhẹt, bài bạc, về nhà đánh đập vợ con. Vợ chồng bà đã không chung sống với nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn với ông Trần H. Ông H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L với ông H đã trầm trọng, kéo dài, bà L với ông H đã sống ly thân với nhau từ tháng 05/2019 đến nay. Ông H muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà L nhưng ông không có thiện chí cũng như biện pháp để giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng, hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

- *Về con chung*: Bà L với ông H có 02 con chung tên Trần Quốc T sinh ngày 27/7/2008 và Trần Gia N sinh ngày 10/3/2012. Hiện nay các con chung đang sống với bà L. Bà L yêu cầu nuôi 02 con chung, ông H đồng ý giao 02 con chung cho bà L nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên. Xét thấy, các con chung hiện đang sống với bà L, bà L yêu cầu nuôi con và ông H cũng đồng ý giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, các con bà L có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo cho cháu có cuộc sống ổn định cũng như điều kiện để cháu phát triển về mọi mặt, theo sự thỏa thuận của các bên và theo nguyện vọng của các cháu nên giao các cháu cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày thành niên là phù hợp.

- *Về cấp dưỡng*: Tại phiên tòa, bà L xác định đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng do đó không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà L với ông H tự thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bà L với ông H không có nợ chung.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí về việc yêu cầu ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Kim L, xử cho bà Phạm Thị Kim L với ông Trần H ly hôn.

2. *Về con chung:* Giao các con chung tên Trần Quốc T sinh ngày 27/7/2008 và Trần Gia N sinh ngày 10/3/2012 cho bà Phạm Thị Kim L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên.

3. *Về cấp dưỡng:* Ông Trần H không phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

4. *Về án phí:* Buộc bà Phạm Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình về việc khởi kiện ly hôn, bà L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0000602 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

Bà L có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKS huyện Đ;
 - THADS huyện Đ;
 - TAND tỉnh Lâm Đồng;
 - UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm
- Đồng (số 46 – 23/11/2009);
- Lưu AV, HS.

Lê Thị Phụng Diễm